

---

# ĐA DẠNG HÓA NGUỒN THU TÀI CHÍNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP: KINH NGHIỆM TRUNG QUỐC VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

**Mai Ngọc Anh**

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: maingocanh@neu.edu.vn*

Mã bài: JED - 270

Ngày nhận bài: 01/07/2021

Ngày nhận bài sửa: 20/09/2021

Ngày duyệt đăng: 30/11/2021

## **Tóm tắt:**

*Bài viết này nghiên cứu các nguồn hình thành nên tổng thu tài chính của các cơ sở giáo dục đại học công lập ở Trung Quốc hiện nay. Kết quả nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ giữa gia tăng nguồn thu với sự biến đổi vị thế giáo dục đại học của Trung Quốc trên bảng xếp hạng quốc tế, góp phần đưa Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới. Nghiên cứu cũng chỉ những vấn đề phát sinh từ thực hiện đa dạng hóa nguồn tài chính ở các cơ sở giáo dục đại học của Trung Quốc, từ phân bổ nguồn ngân sách không đồng đều giữa các cơ sở giáo dục đại học đến bất bình đẳng về học phí giữa các nhóm sinh viên. Một số khuyến nghị về học phí, tài trợ thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu, đa dạng hoá nguồn thu dịch vụ đối với các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam được nêu ra dựa trên bài học kinh nghiệm của Trung Quốc.*

**Từ khóa:** Cơ sở giáo dục đại học, chi phí đào tạo, phân bổ ngân sách nhà nước.

**Mã JEL:** L98

## **Diversifying revenue of public higher education institutions: China's experience and recommendations for Vietnam**

### *Abstract:*

*This article explores the sources forming the total revenue of public higher education institutions in China. The study shows the relationship between the changes in universities' income and the ranking of higher education institutions on worldwide table leagues, contributing to turning China into the second global economy. At the same time, it identifies unintended outcomes from implementing financial diversification in China's higher education institutions such as qualified stratification among institutions and inequity of tuition contribution among students. Finally, some recommendations for diversifying Vietnamese higher education institutions' revenue are discussed based on China's experiences, including tuition fees and financing for pattern commercialization and providing services.*

**Keywords:** Higher education institution, training cost, state budget allocation.

**JEL code:** L98

## **1. Giới thiệu**

Trước khi thực hiện mở cửa, hội nhập kinh tế thế giới rồi tiến hành cải cách giáo dục đại học, hệ thống giáo dục đại học ở Trung Quốc từng phát triển theo mô hình Xô Viết. Ngân sách nhà nước từng là nguồn tài trợ duy nhất đối với giáo dục đại học, các chương trình giáo dục đơn ngành, xa rời giữa lý thuyết và thực hành, cũng như thiếu kết nối với thị trường lao động; Trung Quốc chưa bước vào giai đoạn đại chúng hoá giáo dục đại học (Zhong & cộng sự, 2019). Trước yêu cầu của hội nhập, Quyết định Cải cách hệ thống giáo dục đã được Ban Chấp hành Trung Ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành năm 1985, theo đó trách

---

nhiệm và thẩm quyền trong quản lý, phát triển giáo dục đại học của chính quyền trung ương, chính quyền địa phương và nhà trường đã được xác lập lại; hàng loạt chính sách đổi mới về tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học được ban hành (Mai Ngọc Anh, 2020). Sự đổi mới chính sách tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học ở Trung Quốc đã tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục đại học công lập ở quốc gia này cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, góp phần thu hẹp khoảng cách về chất lượng với các nền giáo dục tiên tiến ở các nước phương Tây khi nhiều cơ sở giáo dục đại học công lập của Trung Quốc được ghi danh trên bảng xếp hạng giáo dục đại học toàn cầu. Giáo dục đại học của Trung Quốc đã góp phần trực tiếp tạo ra đội ngũ nhân lực phục vụ phát triển kinh tế, đưa Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới từ năm 2010. Bài học về đa dạng hoá nguồn tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học công lập là điều mà Việt Nam có thể tham khảo và học hỏi, khi mà thể chế phát triển kinh tế xã hội có nhiều điểm tương đồng giữa hai quốc gia đã và đang theo đuổi mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa; mô hình quản lý giáo dục đại học ở cả hai quốc gia cũng tương đối giống nhau, khi ở cả hai quốc gia các cơ sở giáo dục đại học còn được thành lập để phục vụ nhu cầu nhân lực của các bộ ngành khác ở trung ương, và chính quyền địa phương, ngoài các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Giáo dục.

Mặc dù không ít các công bố quốc tế của học giả Việt Nam, Trung Quốc và quốc tế liên quan đến vấn đề đa dạng hoá nguồn tài chính cho giáo dục đại học trên các tạp chí trong nước và ngoài nước. Các cách tiếp cận về chủ đề này là tương đối đa dạng, các góc nhìn cũng không đồng nhất bởi bối cảnh phát triển kinh tế xã hội hay quan điểm chính trị giữa các quốc gia đối với tài chính giáo dục đại học (Huang, 2003; Shen & Li, 2003; Johnstone, 2003; Lim, 2016), tự chủ đại học (Wang, 2010; Morgan & Wu, 2011; Marcucci & Usher, 2012; Vũ Thị Thanh Thủy, 2012; Hong, 2018; Liu, 2017; Anh Ngọc Mai & cộng sự, 2020), quản lý tài chính ở các đại học công lập (Mohrman & cộng sự, 2011; Lê Minh Ngọc, 2017) hay đầu tư xây dựng đại học đẳng cấp quốc tế (Guagcai, 2011; Li & Ivan 2016; Anh Ngọc Mai & cộng sự (2020). Đặc biệt, chưa có công bố nào trực tiếp và trực diện về đa dạng hoá nguồn tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học công lập của Trung Quốc và đưa ra khuyến nghị cho Việt Nam.

Không giải quyết được bài toán tài chính đối với giáo dục đại học, sẽ khó đạt được thành công trong phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam trong giai đoạn tới. Giáo dục đại học của Việt Nam, do đó, sẽ gặp nhiều khó khăn trong thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng theo chiều sâu ở Việt Nam trong giai đoạn tới. Nghiên cứu này, do đó, dựa trên tổng hợp các công bố trên các tạp chí, nhà xuất bản uy tín trong và ngoài nước, dựa vào các báo cáo của Bộ giáo dục Trung Quốc, Website của một số cơ sở giáo dục đại học ở quốc gia này để tiến hành phân tích thực trạng đa dạng hoá nguồn tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học của Trung Quốc thời gian qua. Trên cơ sở những kết luận về thành tựu và vấn đề phát sinh từ thực hiện đa dạng hóa nguồn thu từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước ở các cơ sở giáo dục đại học công lập của Trung Quốc, ba khuyến nghị nhằm đa dạng hoá nguồn thu tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập ở Việt Nam trong giai đoạn tới được trao đổi ở phần tiếp theo của nghiên cứu này. Phần kết luận cung cấp một cái nhìn tổng thể về nghiên cứu này, và gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo.

## **2. Thực trạng đa dạng hóa nguồn thu tài chính của các cơ sở giáo dục đại học công lập ở Trung Quốc**

### ***2.1. Thu từ ngân sách nhà nước qua tài trợ, hỗ trợ***

Chính phủ Trung Quốc nhấn mạnh học phí không chỉ là vấn đề kinh tế, học phí là một vấn đề xã hội và cần được quan tâm xem xét. Học phí của các chương trình đào tạo đối với sinh viên trong nước được tính toán dựa trên nguyên lý chia sẻ giữa nhà nước, người học (Wang, 2010). Về phía người học, học phí chi trả có tác động đến tinh thần trách nhiệm, ý thức phấn đấu của họ. Về phía nhà nước, với quan điểm giáo dục đại học đào tạo ra những con người có tri thức phục vụ xây dựng xã hội chủ nghĩa, Chính phủ Trung Quốc thực hiện hỗ trợ chi phí đào tạo theo đầu sinh viên. Số tiền này được Chính phủ, qua Bộ Tài chính, chuyển trực tiếp tới nhà trường và giao toàn quyền sử dụng nguồn kinh phí này cho nhà trường. Nói cách khác, mặc

dù học phí mà người học phải đóng có biến động tăng theo thời gian, ngoại trừ sinh viên theo học ngành sư phạm; số tiền mà người học phải đóng để trang trải chi phí đào tạo trực tiếp bậc đại học chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng số tiền cần có để đào tạo một sinh viên đại học (xem Bảng 1). Chính phủ Trung Quốc đã duy trì mức hỗ trợ chi phí theo đầu sinh viên hàng năm cao hơn nhiều lần số tiền mà một sinh viên trường công phải chi trả. Quy mô đào tạo càng nhiều, tỷ lệ đào tạo sau đại học càng cao, ngân sách hỗ trợ của nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học công lập càng lớn.

**Bảng 1: Sự biến động về học phí và chi phí đầu tư trên đầu sinh viên từ ngân sách nhà nước**

*Đơn vị tính: RMB*

	2010	2015	2017
Tổng chi phí đầu tư cho giáo dục đại học/năm	31000	-	33500
Học phí bình quân/năm	4500	4500	5000
Bình quân chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu sinh viên/năm	12300	12300	12300

*Nguồn: Mai Ngọc Anh (2020, 81).*

Bên cạnh nguồn tài chính nhận được từ ngân sách nhà nước hỗ trợ cơ sở đào tạo theo đầu sinh viên, các cơ sở giáo dục đại học của Trung Quốc còn nhận được đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương theo các hạng mục: (i) Đảm bảo hoạt động của nhà trường; (ii) Đổi mới phương pháp giảng dạy và đào tạo; (iii) Phát triển nghiên cứu khoa học, (iv) Thúc đẩy xây dựng đại học đẳng cấp quốc tế, (v) Thúc đẩy sự liên kết với khu vực tư nhân, (vi) Đẩy mạnh hoạt động quản trị cơ sở giáo dục đại học (Mai Ngọc Anh, 2020).

Sự đầu tư của Chính phủ trong phát triển giáo dục đại học thể hiện qua hạng mức ngân sách mà Bộ Tài chính cấp cho Bộ Giáo dục, các bộ ngành khác ở trung ương, rồi các Sở Giáo dục. Với nguồn ngân sách được phân bổ, những cơ quan chủ quản này tiếp tục phân bổ kinh phí cho các cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc. Tài chính của các cơ sở giáo dục đại học công lập được phân bổ khác nhau từ ngân sách nhà nước căn cứ vào vị thế, danh tiếng cũng như năng lực thực hiện nhiệm vụ của từng cơ sở giáo dục đại học. Nhìn chung, những cơ sở giáo dục đại học mạnh về khoa học tự nhiên được phân bổ kinh phí cao hơn so với những cơ sở giáo dục đại học thiên về khoa học xã hội (Gu & cộng sự, 2018). Năm 2015, tổng số tiền mà ngân sách nhà nước đầu tư vào hạ tầng trang thiết bị đối với các đại học công lập là gần 5,3 tỷ RMB. Trong đó các cơ sở giáo dục đại học công lập tham gia Dự án 985 được nhận hơn 3,3 tỷ RMB; kể đến là các cơ sở giáo dục đại học tham gia Dự án 211 được nhận tổng mức đầu tư hơn 1,3 tỷ RMB các cơ sở giáo dục đại học công lập còn lại được nhận mức hỗ trợ khoảng 700 triệu RMB (Bảng 2).

**Bảng 2: Chi tiêu ngân sách đối với các cơ sở giáo dục đại học năm 2015**

*Đơn vị tính: 10.000 RMB*

	Đại học thuộc Dự án 985	Đại học thuộc Dự án 211	Cơ sở giáo dục đại học trực thuộc các bộ ngành khác ở Trung ương	Hệ thống cơ sở giáo dục đại học trực thuộc tỉnh	Tổng số
Chi hạ tầng, trang thiết bị đối với cơ sở giáo dục đại học	330844,8	127581,9	49300,9	18885,2	526612,8
Chi giảng dạy đối với cơ sở giáo dục đại học	107688,2	57937,0	16165,6	5942,5	187733,3
Chi đổi mới giảng dạy đối với cơ sở giáo dục đại học	20318,1	7455,0	3115,1	1156,4	32044,6

*Nguồn: Mai Ngọc Anh (2020, 197).*

Sau khi kết thúc Dự án 211 (hướng đến xây dựng 100 cơ sở giáo dục đại học của Trung Quốc bước vào thế kỷ 21 với tư cách là những đại học trọng điểm quốc gia có trách nhiệm nâng cao năng lực học thuật nước nhà), Dự án 985 (hướng đến xây dựng 39 cơ sở giáo dục đại học trở thành đại học đẳng cấp quốc tế, đại học

được thế giới biết đến), Chính phủ Trung Quốc tiếp tục triển khai Dự án Worldclass 2.0 (Song hạng nhất) với một số điều chỉnh về chỉ tiêu lựa chọn nhằm giải quyết những mâu thuẫn phát sinh từ lý do không được tham gia của một số cơ sở giáo dục đại học công lập vào 2 dự án trước đó. Tổng số tiền đầu tư của Dự án Worldclass 2.0 là khoảng 70 tỷ RMB nhằm xây dựng 42 cơ sở giáo dục đẳng cấp thế giới mang màu sắc Trung Quốc, đồng thời xây dựng hơn 440 chương trình đào tạo xếp hạng đẳng cấp thế giới tại 142 cơ sở giáo dục đại học được lựa chọn (Zhong & cộng sự, 2019). Điều này tạo điều kiện gia tăng nguồn tài chính của nhà trường, bao gồm cả thu từ đầu tư ngân sách nhà nước.

Kể từ khi thay đổi chính sách tài chính đối với đào tạo đại học, đến năm 2018, nguồn ngân sách nhà nước trực tiếp đầu tư cho các trường đại học đã thay đổi về mặt tỷ lệ. Theo đó, mặc dù cơ sở giáo dục đại học càng danh tiếng càng nhận được nhiều hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước, tỷ trọng đóng góp của nguồn từ ngân sách nhà nước trong tổng nguồn thu của nhà trường đã giảm đáng kể ở quốc gia này. Trong tổng nguồn thu của Đại học Bắc Kinh năm 2018, nguồn từ ngân sách nhà nước chiếm chưa đến 45% tổng nguồn thu của nhà trường; con số này ở Đại học Thanh Hoa là khoảng 35%, thậm chí ngân sách nhà nước chỉ đóng góp chưa đến 32% trong tổng nguồn thu của Đại học Chiết Giang năm 2018 (Bảng 3).

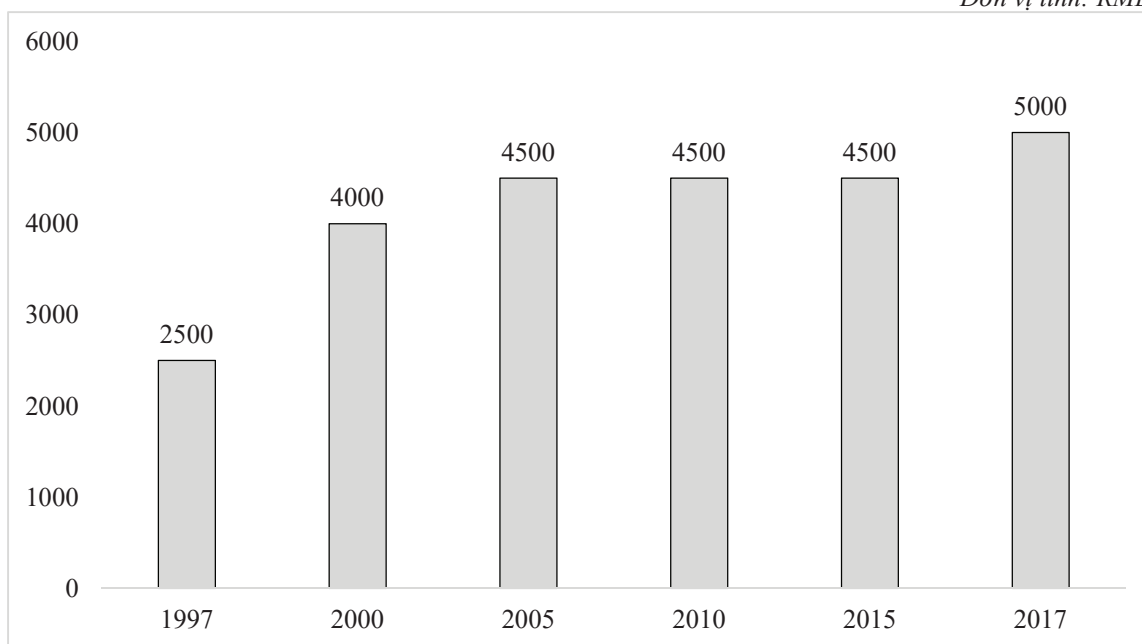
**Bảng 3: Nguồn thu của một số đại học của Trung Quốc năm 2018**

Tên đại học	Nguồn thu	Thu ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đào tạo và các dự án đầu tư phát triển giáo dục đại học		Từ phân bổ ngân sách nhà nước cho nghiên cứu khoa học		Thu nhập từ hoạt động kinh doanh (tỷ RMB)		Thu khác ngoài ngân sách (học phí, chuyển từ năm trước sang...)	
		Tỷ RMB	Tỷ lệ so với tổng nguồn thu	Tỷ RMB	Tỷ lệ so với tổng nguồn thu	Tỷ RMB	Tỷ lệ so với tổng nguồn thu	Tỷ RMB	Tỷ lệ so với tổng nguồn thu
Đại học Thanh Hoa	29,7	4,4	14,8%	5,9	19,9%	11,6	39,1%	7,8	26,3%
Đại học Chiết Giang	19,2	2,6	13,5%	3,4	17,7%	6,6	34,4%	6,6	34,4%
Đại học Bắc Kinh	19,0	3,8	20,0%	4,5	23,7%	5,0	26,3%	5,7	30,0%

Nguồn: China Education and Research Computer Network (2019).

**Hình 1: Sự biến động về học phí bậc đại học của sinh viên bản địa ở Trung Quốc**

Đơn vị tính: RMB



Nguồn: Higher Education Evaluation Center of the China's Ministry of Education (2017).

## 2.2. Thu ngoài ngân sách nhà nước

### 2.2.1. Từ học phí

Để tăng thêm kinh phí phục vụ đào tạo và nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phấn đấu của người học, từ năm 1995 Chính phủ Trung Quốc cho phép các cơ sở giáo dục đại học công lập được thu học phí cao hơn 5 lần so với năm học trước đó. Tuy nhiên, việc tăng học phí của người học vẫn phải đảm bảo nguyên tắc, học phí của sinh viên cao đẳng và đại học chiếm không quá 25% chi phí giáo dục của người học (Bộ Giáo dục Trung Quốc, 2003). Đến năm 2000, Chính phủ lại cho phép các cơ sở giáo dục công lập được tăng học phí cao hơn 1,6 lần so với năm 1997. Từ năm 2005 đến 2015, mức học phí ở các cơ sở giáo dục đại học công lập được duy trì ở mức 4500 RMB rồi dao động xung quanh mức 5000 RMB/sinh viên/năm. Từ năm 2018 đến nay, mức học phí bình quân đối với sinh viên nhập học được chính quyền địa phương cho phép cơ sở giáo dục đại học tự ấn định xung quanh mức 5000 RMB/sinh viên/năm tùy theo từng ngành và từng đại học. Các đại học công lập hàng đầu thuộc Dự án 985, Dự án 211 được Bộ Giáo dục yêu cầu thu học phí thấp hơn các cơ sở giáo dục đại học công lập khác (Mai Ngọc Anh, 2020).

### 2.2.2. Từ hoạt động dịch vụ của nhà trường

Phí dịch vụ được cung ứng tại các cơ sở giáo dục đại học phải tuân theo nguyên tắc tự nguyện, phi lợi nhuận và thu ngay lập tức khi sử dụng. Đặc biệt loại phí này không được kết hợp với học phí. Thu từ chi trả ký túc xá là một khoản tiền mà nhà trường thu được từ người học, khoản thu này chiếm tỷ lệ không nhiều trong tổng nguồn thu ngoài ngân sách của nhà trường bởi nó phụ thuộc vào trang thiết bị để duy trì sinh hoạt mà người sử dụng lựa chọn. Điều kiện cơ sở vật chất khác nhau, mức phí ký túc xá cũng khác nhau giữa các cơ sở giáo dục đại học, giữa các khu vực (Bảng 4). Bên cạnh nguồn thu từ ký túc xá, các cơ sở giáo dục đại học công lập còn được phép cho thuê địa điểm, cơ sở vật chất để mở chi nhánh ngân hàng, hay căng tin phục vụ ăn uống. Mặc dù nguồn thu từ hoạt động này rất khác nhau giữa các cơ sở giáo dục đại học nhưng nó cũng bổ sung nguồn thu cho nhà trường và gia tăng cơ hội tiếp cận tới dịch vụ thiết yếu của người học trong quá trình theo học bậc đại học.

**Bảng 4: Tiền chi trả ký túc xá ở một số đại học của Trung Quốc năm 2021**

	Phòng đơn	Phòng chung
Đại học Thanh Hoa	60-80 RMB/ngày/người	40 RMB/ngày/người
Đại học Vũ Hán	1200 RMB/tháng/người	900 RMB/tháng/người
Đại học Phúc Đán	2400 RMB/tháng/người	-
Đại học Thượng Hải	-	114 RMB/tháng/người

Nguồn: Tsinghua University (2021); Wuhan University (2021), Shanghai Daily (2018).

### 2.2.3. Từ hoạt động liên kết

Các cơ sở giáo dục đại học công lập ở Trung Quốc thực chất là cánh tay kéo dài của chính phủ. Chính phủ Trung Quốc không chỉ đẩy mạnh hoạt động liên kết giữa Chính phủ, đại học và doanh nghiệp trong hợp tác nghiên cứu, tạo ra sản phẩm, mà còn là người đứng ra chủ trì hoạt động này. Chính phủ không chỉ tăng đầu tư đối với hoạt động nghiên cứu, đảm bảo tài chính để thương mại hóa sản phẩm từ kết quả nghiên cứu mà còn để lại toàn bộ doanh thu từ việc thương mại hóa thành công cho nhà trường và nhóm nghiên cứu. Thu từ thương mại hóa sản phẩm hình thành nguồn thu từ hoạt động kinh doanh của cơ sở giáo dục đại học. Cơ sở giáo dục đại học có năng lực nghiên cứu tốt, nguồn thu kinh doanh còn được bổ sung thêm từ kết quả thực hiện thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu (Bảng 3).

## 3. Thành tựu và vấn đề phát sinh từ thực hiện đa dạng hóa nguồn thu tài chính đối các cơ sở giáo dục đại học công lập ở Trung Quốc

### 3.1. Thành tựu từ đa dạng hóa nguồn thu tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập ở Trung Quốc

Việc cho phép giữ lại toàn bộ kinh phí từ thương mại hoá kết quả nghiên cứu không chỉ gia tăng nguồn thu

---

của cơ sở giáo dục đại học công lập, mà còn khuyến khích động lực thực hiện công việc của nhóm cá nhân tham gia, tạo tiền đề cho việc phát triển năng lực học thuật quốc gia thông qua việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và công bố quốc tế. Nhà nước sẽ thu hồi vốn qua các khoản thuế khi sản phẩm được tiêu thụ trên thị trường. Bên cạnh đó, việc chính quyền trung ương, chính quyền địa phương Trung Quốc tài trợ các cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện thu hút nhân tài Hoa kiều hồi hương thông qua ‘Chính sách khuyến khích Tài năng hàng đầu ở nước ngoài trở về làm việc’, ‘Kế hoạch ngàn người’, ‘Kế hoạch Hải quy Vạn nhân’,... cũng tác động tích cực đến sự thay đổi về chất lượng giáo dục đại học của Trung Quốc.

Đến năm 2019, không chỉ 7 cơ sở giáo dục đại học của Trung Quốc được xếp hạng trong top 200 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu thế giới, mà 11 lĩnh vực đào tạo đại học thuộc 19 cơ sở giáo dục đại học của quốc gia này cũng được xếp hạng 200 thế giới (Mai Ngọc Anh, 2020); nhiều nghiên cứu công nghệ cao được hoàn thành, được áp dụng vào cuộc sống như dự án phát triển nhà máy điện hạt nhân thương mại làm mát bằng khí nhiệt độ mô-đun đầu tiên trên thế giới, chip thử nghiệm điếc di truyền đầu tiên trên thế giới (Tsinghua Holdings, 2018).

Sự thành công của giáo dục đại học công lập ở Trung Quốc có đóng góp không nhỏ từ những điều chỉnh trong chính sách tài chính đối với giáo dục đại học. Chính sách học phí thể hiện trách nhiệm của cả nhà nước, nhà trường đối với giáo dục đại học; các khoản đầu tư ưu tiên của cơ quan chủ quản đối với nghiên cứu khoa học, thương mại hoá kết quả nghiên cứu, đổi mới giảng dạy góp phần thúc đẩy chất lượng giảng dạy, nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục đại học, đưa Trung Quốc trở thành cường quốc mới nổi về giáo dục đại học; trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

Việc để các cơ sở giáo dục đại học chủ động trong cung cấp các dịch vụ hỗ trợ sinh hoạt với các lựa chọn khác nhau về phí chi trả không chỉ tăng nguồn thu của nhà trường mà còn đáp ứng được nhu cầu đa dạng từ người học. Thêm vào đó, cho thuê cơ sở vật chất không chỉ bổ sung nguồn thu của nhà trường, mà còn tạo điều kiện để sinh viên được tiếp cận tốt nhất tới các dịch vụ thiết yếu do xã hội cung ứng trong quá trình theo học tại nhà trường.

### ***3.2. Vấn đề phát sinh từ đa dạng hóa nguồn thu tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học công lập ở Trung Quốc***

Chính phủ Trung Quốc khuyến khích đẩy mạnh sự hợp tác nghiên cứu giữa nhà nước - nhà trường - ngành công nghiệp trong nghiên cứu, tạo ra sản phẩm để thương mại hoá. Mặc dù vậy, hợp tác về vốn giữa các cơ sở giáo dục đại học công lập với các tổ chức ngoài nhà nước chưa được luật hoá ở quốc gia này. Nói cách khác, ngoại trừ sự tài trợ đối với việc tạo ra sản phẩm để thương mại hoá được nghiên cứu bởi trường đại học, khu vực ngoài nhà nước chưa được đầu tư góp vốn vào hoạt động nghiên cứu nhằm thương mại hoá sản phẩm từ các cơ sở giáo dục đại học công lập ở Trung Quốc (Mai Ngọc Anh, 2020). Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và thương mại hoá kết quả nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục đại học công lập của Trung Quốc hiện nay, thực chất, bắt nguồn phần lớn từ ngân sách nhà nước.

Việc tập trung đầu tư một số tiền lớn (khoảng 70% kinh phí đầu tư từ nhà nước cho giáo dục đại học) nhằm xây dựng 1/20 cơ sở giáo dục đại học (phụ trách đào tạo khoảng 15% cử nhân cả nước) đã và đang làm gia tăng khoảng cách năng lực giữa các cơ sở giáo dục đại học; đồng thời cũng tác động không tích cực đến tính công bằng, hay sự phân đầu phát triển của các cơ sở giáo dục đại học không được thụ hưởng lợi ích từ dự án. Đặc biệt, trong bối cảnh nhiều cơ sở giáo dục đại học công lập vẫn tiếp tục được thụ hưởng ngân sách từ Dự án dù chưa/không hoàn thành các cam kết khi tham gia (Mai Ngọc Anh, 2020).

Với mức học phí hiện hành đã và đang tạo ra các cuộc tranh luận giữa các học giả, các nhà quản lý giáo dục đại học và các chính trị gia. Việc đồng nhất mức đóng góp của sinh viên xuất thân từ gia đình khó khăn với sinh viên có hoàn cảnh khá giả hơn, không chỉ dẫn đến sự bất công giữa các nhóm sinh viên trong cùng cơ sở giáo dục đại học công lập trọng điểm, mà còn giữa cơ sở giáo dục đại học công lập trọng điểm và không trọng điểm. Các tranh cãi về việc duy trì mức hỗ trợ của Chính phủ đối với sinh viên tài năng tại các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, hay thay đổi chiến lược đầu tư, chuyển ngân sách đầu tư trọng tâm vào

---

hệ thống cơ sở giáo dục đại học trọng điểm với khoảng 10% sinh viên toàn quốc sang đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở giáo dục đại học chưa trọng điểm với khoảng 90% sinh viên Trung Quốc đang theo học. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục đại học được yêu cầu tăng quỹ học bổng, trong bối cảnh gia tăng mức học phí để đảm bảo sự công bằng trong hỗ trợ sinh viên nghèo theo học đại học.

#### **4. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao nguồn thu tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam dựa trên kinh nghiệm Trung Quốc**

##### **4.1. Về thu từ ngân sách nhà nước**

Hỗ trợ chi phí đào tạo đối với người học cần tiếp tục duy trì dù đối với các trường tham gia thí điểm tự chủ theo Nghị quyết 77/NQ-CP (Chính phủ 2014) hay chưa tham gia vào Nghị quyết này. Hỗ trợ chi phí đào tạo đối với người học, tất yếu làm gia tăng gánh nặng ngân sách khi giáo dục đại học ở Việt Nam chuyển từ giai đoạn tinh hoa sang giai đoạn đại chúng hóa giáo dục đại học từ 2013. Mặc dù vậy, giáo dục đại học là sản phẩm hàng hóa dịch vụ đặc thù, đem lại lợi ích cho cả người học và xã hội, trách nhiệm chia sẻ chi phí đào tạo do đó là trách nhiệm của người học và nhà nước. Thời gian qua, mặc dù nhiều cơ sở giáo dục đại học tham gia thí điểm tự chủ theo Nghị quyết 77/NQ-CP đã đạt được mục tiêu về cải thiện thu nhập cho giảng viên, nâng cao cơ sở vật chất cũng như chất lượng đào tạo với sự ghi nhận của cộng đồng trong nước và quốc tế. Tuy nhiên chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam, nói chung, của 23 cơ sở giáo dục đại học tham gia Nghị định này vẫn còn một khoảng cách cần được thu hẹp về chất lượng so với khu vực và thế giới bởi chi phí đào tạo thấp. Thêm vào đó, gánh nặng tài chính đang có xu hướng đặt trên vai người học. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, dù các cơ sở giáo dục đại học có gia tăng học phí gấp nhiều lần so với trước đây, mức chi trả của người học chỉ chiếm khoảng 40% so với sự hỗ trợ của nhà nước.

Chính vì vậy, với Việt Nam, việc ấn định trần học phí và đảm bảo ngân sách hỗ trợ chi phí đào tạo đại học vẫn nên tiếp tục trong bối cảnh các cơ sở giáo dục đại học gia tăng học phí. Sự hỗ trợ thêm về chi phí đào tạo từ ngân sách sẽ làm tổng chi phí đào tạo sinh viên đại học tăng lên, góp phần cải thiện điều kiện và chất lượng đào tạo, để tạo ra những con người có trình độ đáp ứng được yêu cầu nhân lực trên thị trường lao động trong nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên khác với Trung Quốc, thay vì sử dụng cơ chế ngân sách nhà nước hỗ trợ cơ sở đào tạo theo đầu sinh viên, trong giai đoạn tới Chính phủ Việt Nam nên chuyển sang cơ chế đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ, căn cứ vào sự trực thuộc của cơ sở giáo dục đại học với cơ quan chủ quản là chính quyền địa phương hay chính quyền trung ương bởi sự khác nhau về chi phí đào tạo giữa các ngành. Đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao, cập nhật chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, đặc biệt là những chương trình đào tạo đòi hỏi thực hành từ phòng thí nghiệm. Khi điều này được thực hiện, nguồn nhân lực chất lượng cao trong tương lai của Việt Nam mới đủ sức đảm nhận trách nhiệm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu thay vì tăng trưởng theo chiều rộng như hiện nay.

##### **4.2. Về thu từ ngoài ngân sách nhà nước**

Mặc dù công bố quốc tế từ các nhà khoa học, các trường đại học Việt Nam trên các tạp chí uy tín thế giới theo danh mục ISI/Scopus đã tăng đáng kể trong giai đoạn vừa qua, nhưng ít hợp đồng thương mại, chuyển giao đối với sáng chế từ các cơ sở giáo dục đại học được thực hiện (Mai Ngọc Anh, 2020). Thực chất thương mại hóa kết quả nghiên cứu tồn tại rất nhiều rủi ro, khi mà tỷ lệ chuyển đổi thành công thành tựu khoa học và công nghệ là không cao (Mai Ngọc Anh, 2020), ảnh hưởng đến tâm lý ngại đầu tư từ doanh nghiệp vào phát triển khoa học công nghệ tại các cơ sở giáo dục đại học rồi thực hiện thương mại hóa. Tuy nhiên, với việc đưa sản phẩm nghiên cứu ứng dụng vào cuộc sống, nhiều người sẽ được thụ hưởng, ngân sách nhà nước có được từ thuế đối với các sản phẩm đó tăng hàng năm. Kinh nghiệm của Trung Quốc về đầu tư ngân sách cho phát triển nghiên cứu khoa học và thương mại hóa sản phẩm là bài học đáng để Việt Nam nghiên cứu, học hỏi. Chính phủ Trung Quốc chủ động thực hiện đầu tư thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu từ các đại học. Họ để lại toàn bộ doanh thu cho nhà trường và nhóm nghiên cứu. Chính điều này đã thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và thương mại hóa kết quả nghiên cứu ở các trường đại học Trung Quốc, góp phần xây dựng hệ thống đại học đẳng cấp quốc tế ở quốc gia này. Trong khi đó, các chính sách hiện hành trong thúc

---

đẩy phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam chưa thực sự thúc đẩy động lực nghiên cứu của các nhà khoa học khi nhìn vào các quy định về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước (Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính, 2014); quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước (Chính phủ, 2018). Việc điều chỉnh chính sách theo hướng không phân chia giá trị kết quả nghiên cứu giữa nhà nước với cơ sở giáo dục đại học và nhóm nghiên cứu theo cách mà Trung Quốc đang thực hiện, sẽ thúc đẩy nghiên cứu, gắn kết giữa nghiên cứu với ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và thực tiễn cuộc sống từ các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

Các phòng ở một người, phòng ở nhiều người trong ký túc xá với các mức giá khác nhau; cho thuê địa điểm để ngân hàng mở phòng giao dịch tại cơ sở giáo dục đại học không chỉ giúp sinh viên thuận tiện trong quá trình chuyển và nhận tiền từ gia đình, đóng học phí; nó còn tăng thêm một khoản thu vào ngân sách nhà trường,... là những bài học hay về đa dạng hoá nguồn thu ngoài ngân sách đối với các cơ sở giáo dục đại học ở Trung Quốc, nên được triển khai tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam trong giai đoạn tới. Theo đó các ký túc xá ở các cơ sở giáo dục đại học công lập cần cải thiện chất lượng cung ứng về điện, nước, khu vệ sinh, và thậm chí là nấu ăn,... theo mức chi trả của người sử dụng. Bản thân các cơ sở giáo dục đại học cũng nên năng động trong việc kêu gọi ngân hàng mở phòng giao dịch ngay tại nhà trường và tiến hành đấu thầu trong cung cấp dịch vụ hỗ trợ cuộc sống tại trường đối với sinh viên.

## 5. Kết luận

Đa dạng hoá nguồn thu tài chính đối với giáo dục đại học không chỉ tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam cải thiện điều kiện sinh hoạt và việc làm của đội ngũ giảng viên; đa dạng hoá tài chính đối với giáo dục đại học còn thúc đẩy nâng cao năng lực học thuật, rút ngắn khoảng cách với nền giáo dục đại học ở Trung Quốc và các nước phương Tây. Nghiên cứu kinh nghiệm đa dạng hoá nguồn thu tài chính ở các đại học công lập của Trung Quốc cho thấy, việc thực hiện đa dạng hoá nguồn tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học công lập là trách nhiệm của cả chính quyền trung ương, chính quyền địa phương, nhà trường và người học. Trong quá trình thực hiện đa dạng hoá nguồn tài chính đối với giáo dục đại học, bên cạnh những thành tựu đạt được, những vấn đề phát sinh là không thể tránh khỏi. Đối với Chính phủ Trung Quốc, một vài vấn đề phát sinh từ quá trình này có thể giải quyết như thay đổi phương thức lựa chọn sự tham gia của các cơ sở giáo dục đại học vào dự án phát triển giáo dục đại học. Tuy nhiên, có những vấn đề phát sinh mà Chính phủ Trung Quốc buộc phải chấp nhận để đạt được mục tiêu lớn hơn trong phát triển giáo dục đại học như việc triển khai thực hiện dự án Worldclass 2.0 với chấp nhận phân tầng giáo dục đại học; hay bất bình đẳng về học phí giữa các nhóm đối tượng sinh viên dù cho học phí mà nhóm đối tượng này phải chi trả chỉ mang tính trách nhiệm của người học, không phải là chi trả toàn bộ chi phí đào tạo... Đối với các đại học công lập của Trung Quốc, với các chính sách tài chính được nhà nước trao quyền, các cơ sở giáo dục đại học công lập ở quốc gia này đã vận dụng hợp lý để gia tăng nguồn thu từ chi phí trang trải của sinh viên trong quá trình theo học, phân chia doanh thu từ thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu, nhằm đem lại nguồn thu ngoài ngân sách tối đa cho nhà trường.

Dựa trên kinh nghiệm của Trung Quốc, nghiên cứu chỉ ra 3 khuyến nghị mà Việt Nam có thể tham khảo để thúc đẩy đa dạng tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập, góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam trong giai đoạn tới. Đánh giá thành công, hạn chế trong phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam từ đa dạng hoá nguồn tài chính nằm ngoài phạm vi nghiên cứu của bài viết này, sẽ được thực hiện với một nghiên cứu chuyên sâu khác.



---

## Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục Trung Quốc (2003), *Giải thích chính sách thu phí giáo dục (tiếng Trung Quốc)*, truy cập lần cuối ngày 4 tháng 10 năm 2019, từ: <[http://www.moe.gov.cn/jyb\\_sjzl/moe\\_364/moe\\_902/moe\\_1002/tnull\\_9408.html](http://www.moe.gov.cn/jyb_sjzl/moe_364/moe_902/moe_1002/tnull_9408.html)>.
- Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính (2014), *Thông tư liên tịch 39/2014/TTLT-BKH-CN-BTC quy định việc định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước*, ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014.
- Chính phủ (2014), *Nghị quyết 77/NQ-CP về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 – 2017*, ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2014.
- Chính phủ (2018), *Nghị định số 70/2018/NĐ-CP về quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước*, ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014.
- Guagcai, Y. (2011), ‘Thoughts on the role of government in the Development of World-class universities in China’, *Journal of Chinese Education and Society*, 44(5), 57–66, DOI: <https://doi.org/10.2753/CED1061-1932440505>.
- Gu, J., Li, X. & Wang, L. (2018), *Higher education in China*, Springer Nature, Singapore.
- Higher Education Evaluation Center of the China’s Ministry of Education (2017), *Annual quality report of undergraduate education in China*, Ministry of Education, Beijing, China.
- Tsinghua Holdings (2018), *Giới thiệu về hoạt động khoa học công nghệ đại học Thanh Hoa*, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 9 năm 2019, từ: <<http://www.thholding.com.cn/news/index/catid/2.html>>.
- Hong, M. (2018), ‘Public university governance in China and Australia: A comparative study’, *Higher Education*, 76(4), 717–733, DOI: <https://doi.org/10.1007/s10734-018-0234-5>.
- Huang, F. (2003), ‘Policy and Practice of the Internationalization of Higher Education in China’, *Journal of Studies in International Education*, 7(3), 225-240.
- Johnstone, D. (2003), ‘Cost Sharing in Higher Education: Tuition, Financial Assistance, and Accessibility in a Comparative Perspective’, *Czech Sociological Review*, 39(3), 351-374.
- Lê Minh Ngọc (2017), ‘Đa dạng hoá nguồn lực tài chính tại các trường đại học công lập của Việt Nam’, *Tạp chí Tài chính*, truy cập lần cuối ngày 01 tháng 9 năm 2021, từ: <<https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tai-chinh-doanh-nghiep/da-dang-hoa-nguon-luc-tai-chinh-tai-cac-truong-dai-hoc-cong-lap-viet-nam-133329.html>>.
- Li, Q & Ivan, S. (2016), *Lãi và lỗ trong phát triển Dự án 211, 985 (tiếng Trung Quốc)*, truy cập lần cuối ngày 25 tháng 10 năm 2020, từ: <<https://www.cingta.com/detail/1551>>.
- Lim, L. (2016), ‘Globalization, the strong state and education policy: The politics of policy in Asia’, *Journal of Education Policy*, 31(6), 711–726, DOI: <<https://doi.org/10.1080/02680939.2016.1181790>>.
- Liu, X. (2017), ‘The governance in the development of public universities in China’, *Journal of Higher Education Policy and Management*, 39(3), 266–281, DOI: <<https://doi.org/10.1080/1360080X.2017>>.
- Anh Ngọc Mai, Ha Thi Hai Do, Cuong Ngoc Mai & Nui Dang Nguyen (2020), ‘Models of university autonomy and their relevance to Vietnam’, *Journal of Asian Public Policy*, <https://doi.org/10.1080/17516234.2020.1742412>.
- Mai Ngọc Anh (2020), *Quản lý nhà nước về giáo dục đại học: Kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự Thật, Hà Nội.
- Marcucci, P. & Usher, A. (2012), *Global changes in tuition fee policies and student assistance. Higher education strategy associates*, Higher Education Strategy Associates, Toronto, retrieved on October 9th 2020, from <<http://higherstrategy.com/wp-content/uploads/2012/03/YIR2012.pdf>>.
- Morgan, W. & Wu, B. (2011), *Higher education reform in China beyond the expansion*, Routledge.
- Mohrman, K., Geng, Y. & Wang, Y. (2011), ‘Faculty life in China’, In *The NEA 2011 Almanac of higher education*, 83–99, Retrieved on September 1st, 2021, from <[https://www.researchgate.net/publication/265004900\\_Faculty\\_Life\\_in\\_China](https://www.researchgate.net/publication/265004900_Faculty_Life_in_China)>.

- 
- Shanghai Daily (2018), *Differences in dorms for Chinese and foreign students rattle netizens*, retrieved on September 2nd, 2021, from <<https://archive.shine.cn/feature/Differences-in-dorms-for-Chinese-and-foreign-students-rattle-netizens/shdaily.shtml>>.
- Shen, H. & Li, W. (2003), *A review of the student loans scheme in China*, UNESCO, Bangkok.
- Tsinghua University (2021), *Student life*, retrieved on September 2nd, 2021, from <[https://www.tsinghua.edu.cn/en/Campus/Student\\_Life/Housing\\_\\_Dining.htm](https://www.tsinghua.edu.cn/en/Campus/Student_Life/Housing__Dining.htm)>.
- China Education and Research Computer Network (2019), *75 colleges and universities announced budgets: Tsinghua's total budget and science and technology expenditure budget both "lead"!*, Retrieved on November 18th 2019, from <[https://www.edu.cn/rd/gao\\_xiao\\_cheng\\_guo/gao\\_xiao\\_zi\\_xun/201904/t20190428\\_1656570.shtml](https://www.edu.cn/rd/gao_xiao_cheng_guo/gao_xiao_zi_xun/201904/t20190428_1656570.shtml)>.
- Vũ Thị Thanh Thủy (2012), 'Quản lý tài chính các trường Đại học công lập ở Việt Nam', Luận án Tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Wang, L. (2010), 'Higher education governance and university autonomy in China', *Globalization, Societies and Education*, 8(4), 477-495.
- Wuhan University (2021), *Campus Accommodation*, retrieved on September 2<sup>nd</sup>, 2021, from <[https://en.whu.edu.cn/Campus\\_Life1/Campus\\_Accommodation.htm](https://en.whu.edu.cn/Campus_Life1/Campus_Accommodation.htm)>.
- Zhong, Zhou, Liu, Lu, Coates, Hamish & Kuh, George (2019), 'What the U.S. (and Rest of the World) Should Know About Higher Education in China', *Change: The Magazine of Higher Learning*, 51:3, 8-20, DOI: 10.1080/00091383.2019.1606571.